

UBND HUYỆN CÁT HẢI  
TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG CHÂU

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	8	Số m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	4	3,22 m <sup>2</sup>
1	Phòng học kiên cố	4	3,22 m <sup>2</sup>
2	Phòng học bán kiên cố		0
3	Phòng học tạm		0
4	Phòng học nhờ		0
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	986 m <sup>2</sup>	11,3 m <sup>2</sup>
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	433 m <sup>2</sup>	4,97 m <sup>2</sup>
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	220 m <sup>2</sup>	2,52 m <sup>2</sup>
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	40 m <sup>2</sup>	0,46 m <sup>2</sup>
4	Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )	30 m <sup>2</sup>	0,34 m <sup>2</sup>
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m<sup>2</sup>)</i>		
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m<sup>2</sup>)</i>		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	70 m <sup>2</sup>	0,80 m <sup>2</sup>
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	4	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	4	4/4 nhóm, lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	5 bộ	Số bộ/sân chơi (trường)
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)</b>	1 bộ	

